

Quy định về nuôi con nuôi và quy định về làm con nuôi là một trong các quy định của con người, quy định công dân được pháp luật công nhận và bảo hộ. Việc nuôi con nuôi thể hiện tính nhân đạo sâu sắc, tình yêu thương, tình thân, trách nhiệm và mối quan hệ thân thiện, giúp đỡ lẫn nhau giữa con người với con người. Là biện pháp tích cực giúp trẻ em không nơi nương tựa có mái ấm gia đình, được chăm sóc và phát triển trong môi trường tốt nhất. Điều này thể hiện việc nuôi con nuôi còn giảm được gánh nặng về tài chính, kinh tế cho Nhà nước ta trong việc chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Trong phạm vi bài viết, tác giả sẽ đề cập đến quy định về thi hành chính (TTHC) trong lĩnh vực nuôi con nuôi, những bộ t c p, h n ch của các quy định và đề xuất, kiến nghị sẽ đề cập đến bổ sung các quy định để đảm bảo thi hành chính trong lĩnh vực [nuôi con nuôi](#) đáp ứng tiêu chí về sự công minh, tính hợp pháp, tính hợp lý và chi phí tuân thủ TTHC là thấp nhất.

#### I. Quy định về thi hành chính trong lĩnh vực nuôi con nuôi

Quy định về nuôi con nuôi và quy định về làm con nuôi là một trong các quy định của con người, quy định công dân được pháp luật công nhận, bảo hộ được quy định tại các văn bản QPPL như sau:

- Hiến pháp (Điều 36, 37);
- Công ước La Hay số 33 về bảo vệ trẻ em và hợp tác trong lĩnh vực nuôi con nuôi quốc tế;
- Bộ luật Dân số (Điều 39);
- Luật Hôn nhân và gia đình (Điều 78);
- Luật Nuôi con nuôi;
- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật nuôi con nuôi;
- Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 5/4/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi;
- Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 08/7/2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi; lệ phí cấp phép hoạt động cho tổ chức con nuôi nước ngoài;
- Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28/12/2020 của Bộ Tài pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sổ đăng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi;
- Thông tư liên tịch số 146/2012/TTLT-BTC-BTP ngày 7 tháng 9 năm 2012 giữa Bộ Tài Chính và Bộ Tài pháp quy định về lập kế toán, quản lý, sổ đăng và quy định toán kinh phí hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực nuôi con nuôi từ nguồn thu lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép của tổ chức con nuôi nước ngoài, chi phí ghi quy định nuôi con nuôi nước ngoài;
- Thông tư số 21/2011/TT-BTP ngày 21 tháng 11 năm 2011 của Bộ Tài pháp về việc quản lý văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam;
- Thông tư liên tịch số 03/2016/TTLT-BTP-BNG-BCA-BLĐTBXH ngày 22/02/2016 Hướng dẫn việc theo dõi tình hình phát triển của trẻ em Việt Nam được cho làm con nuôi nước ngoài và [bộ v tr em](#)

trong trường hợp công minh nhất.

Như vậy, lĩnh vực nuôi con nuôi đã được điều chỉnh bởi nhiều văn bản QPPL từ Điều ước quốc tế, Hiến pháp, luật đến thông tư, để đảm bảo hành lang pháp lý để thực hiện quy định và nghĩa vụ của cá nhân, tổ chức và bảo đảm hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với lĩnh vực này. Trên cơ sở các văn bản QPPL nêu trên, Bộ trưởng Bộ Tài pháp đã ban hành Quy định về

169/QĐ-BTP ngày 04/02/2021 về việc công bố TTHC đối với chu kỳ hóa trong lĩnh vực nuôi con nuôi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính. Theo quy định nêu trên, hiện nay lĩnh vực nuôi con nuôi có 14 TTHC thuộc thẩm quyền (Trung ương, tỉnh, huyện, xã. TTHC cấp Trung ương gồm: thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam; Gia đình giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam; Sở địa phương giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam; Đăng ký việc nuôi con nuôi tại Cơ quan đăng ký dân số Việt Nam nước ngoài; Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam trong nước để đi u kiển nhn trm nnc ngoài làm con nuôi. TTHC cấp tỉnh gồm: thẩm quyền cấp giấy quy định việc nuôi con nuôi có ý u t nnc ngoài đi v i trm sng c s nuôi dng; Giấy quy định việc nuôi con nuôi có ý u t nnc ngoài đi v i trng hp cha dng, m k nhn con riêng c a v hoc chng; cô, c u, di, chú, bác ruột nhn cháu làm con nuôi; Đăng ký la i vi c nuôi con nuôi có ý u t nnc ngoài; Giấy quy định việc ng i nnc ngoài thng trú i Việt Nam nhn trm Việt Nam làm con nuôi; Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thng trú i khu vực biên giới để đi u kiển nhn trm c a nnc láng gi ng c trú i khu vực biên giới làm con nuôi. TTHC cấp huyện gồm: thẩm quyền Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được ghi i quy t i c quan có th m quy n c a nnc ngoài. TTHC cấp xã gồm: thẩm quyền Đăng ký việc nuôi con nuôi trong ncc; Đăng ký la i vi c nuôi con nuôi trong ncc; Đăng ký la i vi c nuôi con nuôi trong ncc. Để tra c u tìm hi m thông tin v các TTHC này, cá nhân, tổ chức truy c p vào Trang thông tin thẩm quyền hành chính của Bộ Tài chính (<http://moj.gov.vn/thutuchanhchinh>).

II. Một số bộ tài chính, hợp tác xã và quy định TTHC trong lĩnh vực nuôi con nuôi và đầu tư, kinh doanh xã hội

#### 1. Thẩm quyền Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước

Thứ nhất, quy định rõ các giấy tờ thuộc minh đi u kiển v kinh tế, chế c a ng i nhn con nuôi:

Điều khoản 1 Điều 14 Luật Nuôi con nuôi năm 2010 quy định ng i nhn con nuôi phải có đi u kiển v kinh tế, chế c a b o đm vi c chăm sóc, nuôi dng, giáo d c con nuôi nh ng Điều 17 Luật Nuôi con nuôi năm 2010 chế c a có quy định c th v các giấy tờ thuộc minh các đi u kiển đó mà giao trách nhiệm xác nhận hoàn c nh gia đình, tình trng chế c, đi u kiển kinh tế y ban nhân dân cấp xã n i ng i nhn con nuôi thng trú cấp. Tuy nhiên để th c hi n vi c xác nhận này thì y ban nhân dân cấp xã l i ph i yêu c u ng i nhn con nuôi phải cung cấp giấy tờ thuộc minh đi u kiển kinh tế, chế c a ng i nhn con nuôi. Trong khi, pháp luật v nuôi con nuôi chế c a có hng d n c th v n i dung này, d n đ n s lúng túng, khó khăn, chế c a thng nhn t trong quá trình th c hi n, có th d n đ n phát sinh TTHC hoc nhng nhn u cho ng i nhn nuôi con nuôi. Do đó, cần thi t b sung quy định rõ trách nhiệm chế c a minh và cung cấp các giấy tờ thuộc minh đi u kiển v kinh tế, chế c a ng i nhn con nuôi để đm b o s rõ ràng, thng nhn t, thu n ti n trong quá trình th c hi n TTHC. Theo đó, kiển ngh s a đi, b sung Điều 17 Luật Nuôi con nuôi năm 2010.

Thứ hai, bổ m t số giấy tờ không cần thi t trong hồ s nuôi con nuôi:

- Bộ quy định về việc cấp hộ chiếu biên bản xác nhận trm b b r i (trong trng hp tr b b r i để c nhn làm con nuôi):

Theo quy định tại Điều 16 Luật hộ tịch thì khi đăng ký khai sinh cho trm b b r i thì thành phố n h s đăng ký c n có biên bản xác nhận trm b b r i. Trong khi đó, hồ s c a trm để c nhn làm con nuôi đã có Giấy khai sinh c a trm. Vì vậy, việc yêu c u ph i có biên bản xác nhận trm b b r i trong hồ s c a trm để c nhn làm con nuôi là không cần thi t.

- Bộ quy định về việc phải có giấy khám sức khỏe của trẻ em trong hồ sơ nuôi con nuôi.  
Thực tế qua 10 năm triển khai thi hành Luật nuôi con nuôi, quy định bắt buộc phải có giấy khám sức khỏe của trẻ em trong hồ sơ nuôi con nuôi trong những lần đã làm như hàng đầu về việc đăng nhận làm con nuôi của trẻ em. Mặt khác, xu hướng phát triển tâm lý của cha mẹ nuôi Việt Nam, thông qua tiếp xúc và tìm hiểu về trẻ em trước khi nhận trẻ em đó làm con nuôi nên cha mẹ nuôi cũng đã biết trình bày tình trạng sức khỏe của trẻ em mình mong muốn nhận. Do đó, việc quy định về giấy khám sức khỏe của trẻ em trong hồ sơ nuôi con nuôi là không cần thiết.

- Bộ yêu cầu nộp Phiếu lý lịch tư pháp trong thành phần hồ sơ của người nhận con nuôi trong trình tự hồ sơ cha đăng ký/mở kết nhận con riêng của vợ/chồng làm con nuôi:

Việc bổ quy định trên nhằm tạo điều kiện nhanh chóng và thuận lợi nhất cho cha mẹ đăng ký nhận con nuôi bên gia đình mới về cha/mẹ đẻ và cha đăng ký/mở kết. Thực tế cha mẹ nhận về cha/mẹ đẻ và cha đăng ký/mở kết cho dù có thực hiện việc đăng ký hay không đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Nếu TTHC quá rườm rà có thể dẫn đến việc không đăng ký, làm cho quy định, lợi ích của cha mẹ đẻ không đem lại. Cha đẻ/mẹ đẻ là người trực tiếp bỏ về cha mẹ đẻ mới tái lập gia đình bên cạnh chế độ bỏ về khác theo quy định của pháp luật hiện hành như chế độ báo cáo trong 3 năm tại Luật Nuôi con nuôi, chế độ bỏ về tại Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Trẻ em, Luật Phòng, chống bạo lực gia đình...

Theo đó, kiến nghị sửa đổi Điều 17, 18 Luật Nuôi con nuôi năm 2010.

Thứ ba, sửa đổi thời gian thực hiện đăng ký việc nuôi con nuôi tại khoản 1 Điều 22 Luật Nuôi con nuôi năm 2010 theo hướng trong 20 ngày thì có 15 ngày đăng ký liên quan thay đổi ý kiến và 05 ngày để UBND cấp xã thực hiện đăng ký việc nuôi con nuôi:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Luật Nuôi con nuôi thì thời hạn ghi quy định việc nuôi con nuôi là 30 ngày, kể từ ngày UBND cấp xã nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó có 10 ngày để kiểm tra hồ sơ, lấy ý kiến người liên quan (Điều 20) và 20 ngày để đăng ký việc nuôi con nuôi (Điều 22). Tuy nhiên, khoản 3 Điều 9 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP quy định người liên quan đã đồng ý cho trẻ làm con nuôi như sau đó muốn thay đổi ý kiến thì trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày đăng ký lấy ý kiến, người người liên quan phải thông báo bằng văn bản cho UBND cấp xã nơi đang ghi quy định hồ sơ nuôi con nuôi. Điều này có thể dẫn đến việc hiểu sai về thời hạn ghi quy định thời gian là 45 ngày. Vì vậy, việc quy định rõ các mốc thời gian thực hiện thủ tục sẽ đem lại lợi ích cho thời gian ghi quy định việc nuôi con nuôi là 30 ngày.

Theo đó, kiến nghị sửa đổi Điều 22 Luật nuôi con nuôi.

2. Về thời hạn Đăng ký lý việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài

Khoản 4 Điều 29 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi cho quy định thời gian thực hiện thủ tục đăng ký lý việc nuôi con nuôi trong nước “Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ giấy tờ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ký và cấp cho người yêu cầu đăng ký lý 01 bản chính Giấy chứng nhận nhận con nuôi” mà chưa quy định

thời gian thực hiện thủ tục đăng ký lý việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài “

Đến với trình tự hồ sơ đăng ký lý việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài thì Giám đốc Sở Tư pháp trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ký Quyết định cho trẻ em Việt Nam làm con nuôi nước ngoài để cấp cho người yêu cầu đăng ký lý

”. Theo đó, kiến nghị sửa đổi khoản 4 Điều 29 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi (đã được sửa đổi, bổ sung) quy định rõ thời gian Sở Tư pháp xem xét, trình UBND tỉnh, thời gian UBND tỉnh ký Quyết định cho trẻ em Việt Nam làm con nuôi nước ngoài để cấp cho người yêu cầu đăng ký lý.

3. Thi thực hành thi quy định về việc nuôi con nuôi ngoài thẩm quyền của Ủy t Nam nhân tr em Ủy t Nam làm con nuôi

Thi nh t, b quy định về việc phải có biên bản xác nhận tr em b b r i (trong trường hợp tr b b r i để c nh n làm con nuôi):

Theo quy định tại Điều 16 Luật h t ch thì khi đăng ký khai sinh cho tr em b b r i thì thành phố n h s đăng ký c n có biên bản xác nhận tr em b b r i. Trong khi đó, h s c a tr em để c nh n làm con nuôi đã có Giấy khai sinh c a tr em. Vì vậy, việc yêu c u phải có biên bản xác nhận tr em b b r i trong h s c a tr em để c nh n làm con nuôi là không c n thi t.

Thứ hai, quy định rõ thời gian S T pháp thực hi n đăng ký việc nuôi con nuôi, t ch c l giao nh n con nuôi sau khi có quyết định của UBND t nh là trong thời hạn 3 ngày làm việc:

Kho n 4 Điều 41 quy định S T pháp đăng ký việc nuôi con nuôi ngay sau khi có quyết định của UBND t nh. Vậy “ngay” là trong thời gian bao lâu?, kiến nghị thời gian thực hi n thi t là trong thời hạn 03 ngày làm việc.

Theo đó, kiến nghị số a đề i, b sung Điều 18, 41 Luật nuôi con nuôi.

4. Thi thực hành thi quy định về việc nuôi con nuôi ngoài c trú khu vực biên giới nh n láng gi ng nh n tr em Ủy t Nam làm con nuôi

Kho n 3 Điều 22 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành m t số đi u c a Luật Nuôi con nuôi (đã để c số a đề i, b sung) ch quy định: “Sau khi hoàn thiện h s , ng i nh n con nuôi n p h s cho S T pháp. S T pháp kiểm tra h s và xác nhận n u ng i đó có đủ đi u kiện nuôi con nuôi theo quy định tại Điều 14 của Luật Nuôi con nuôi” mà ch a quy định thời gian S T pháp kiểm tra h s và xác nhận ng i đó đủ đi u kiện nuôi con nuôi. T đó, có thể d n d n s s không thực ng nh t, tùy ti n trong quá trình thực hi n.

Theo đó, kiến nghị số a đề i kho n 3 Điều 22 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành m t số đi u c a Luật Nuôi con nuôi (đã số a đề i, b sung) quy định rõ thời gian thực hi n thi t, kiến nghị quy định thời gian thực hi n là 15 ngày.

5. Thi thực hành thi quy định về việc xác nhận ng i Ủy t Nam đủ đi u kiện nh n tr em nh n ngoài làm con nuôi

Thi nh t, b sung quy định số l ng h s phải n p là 01 b .

Lý do là kho n 1 Điều 40 Luật Nuôi con nuôi không quy định.

Thứ hai, quy định giảm thời gian thực hi n thi t t t 30 ngày xuống 20 ngày, trường hợp c n xác minh thì thời gian giảm t 60 ngày xuống 40 ngày.

Lý do là quy định thời gian thực hi n thi t nh hi n hành là h i dài, kiến nghị rút ngắn thời gian thực hi n t o thu n l i cho cá nhân song v n đ m b o đ thời gian đ c quan nhà n c thực hi n thi t.

Theo đó, kiến nghị số a đề i, b sung Điều 40 Luật Nuôi con nuôi.

5. Thi thực hành thi đăng ký nhu c u nh n con nuôi

Thi t đăng ký nhu c u nh n con nuôi để c quy định tại Điều 16 của Luật Nuôi con nuôi năm 2010 nh sau: “Công dân Ủy t Nam có nguy n v ng và đủ đi u kiện nh n con nuôi theo quy định của Luật này nh ng ch a tìm được tr em để nh n làm con nuôi thì đăng ký nhu c u nh n con nuôi với S T pháp n i ng i đó thẩm ng trú; n u có tr em để gi i thi u làm con nuôi thì S T pháp gi i thi u đ n y ban nhân dân c p xã n i tr em đó thẩm ng trú để xem xét, gi i quyết ”, ngoài quy định nêu trên thì Luật Nuôi con nuôi và các văn bản h ng d n thi hành không có quy định nào v v n đ này. Thi t này không có trong quyết định công bố của B T pháp do ch a đ y đủ các b p h n c u thành của TTHC. Thi t t sau 05 năm thi hành Luật Nuôi con

